

Số: 39 /GPMT-UBND

Núi Thành, ngày 01 tháng 04 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 18/2024/CV-CTMC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH MTV sản xuất khuôn Chu Lai - Trường Hải về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất khuôn ô tô Chu Lai Trường Hải tại Khu công nghiệp Cơ khí Ô tô Chu Lai Trường Hải, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; Văn bản số 03/2025/CV-CTMC ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV sản xuất khuôn Chu Lai - Trường Hải, địa chỉ tại Thôn 4 (Thôn Phái Nhơn), xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất khuôn ô tô Chu Lai Trường Hải tại Khu công nghiệp Cơ khí Ô tô Chu Lai Trường Hải, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất khuôn ô tô Chu Lai Trường Hải.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Cơ khí Ô tô Chu Lai Trường Hải, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

1.3. Giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư Mã số dự án 2011155062 do Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai cấp chứng nhận lần đầu ngày 23/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp 4001068343 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 02/03/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 26/07/2024.

1.4. Mã số thuế: 4001068343

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất khuôn mẫu, gia công cơ khí và nhiệt luyện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích sử dụng đất là 2.758 m² (theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/2024/HĐCTNX/THACO INDUSTRIES-KHUON ngày 01/01/2024 với Công ty TNHH Tập đoàn Công nghiệp Trường Hải).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất của cơ sở: sản xuất khuôn mẫu các loại với công suất 200 bộ sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ:

Nguyên liệu đầu vào → gia công thô → gia công bán tinh và tinh → tôi chân không → ram → lắp ráp khuôn → đánh bóng, rà mài khuôn → kiểm tra và giao hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với quản lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với quản lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV sản xuất khuôn Chu Lai - Trường Hải:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH MTV sản xuất khuôn Chu Lai - Trường Hải có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 (mười) năm**, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giấy phép môi trường của Cơ sở là căn cứ để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Cơ sở theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV sản xuất khuôn Chu Lai - Trường Hải ;
- Sở NN&MT tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND huyện;
- Phòng NN&MT huyện;
- UBND xã Tam Hiệp;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND Huyện;
- Lưu: VT, website.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Văn Trung

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép Môi trường số 39 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2025 của UBND huyện Núi Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Cơ sở không thuộc đối tượng cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải, không xả trực tiếp ra môi trường)

- Công ty TNHH MTV sản xuất khuôn Chu Lai - Trường Hải đã ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 01/2023/HĐDV/ĐT-CTMC ngày 01/01/2023 với Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải (Đơn vị đầu tư và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải) để thu gom, xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của Cơ sở được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ sau đó tự chảy ra hố ga đầu nối nước thải T4 để đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải.

Tọa độ điểm đầu nối nước thải sinh hoạt (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X(m): 1709364; Y(m): 590743

Phân cặn lắng tại các bể tự hoại hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện bơm, hút đưa đi xử lý theo quy định.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh trong nhà máy chủ yếu từ quá trình trộn nước cấp với dầu cắt gọt để làm mát tại công đoạn gia công. Hỗn hợp nước lẫn dầu từ quá trình làm mát máy gia công được thu gom quản lý theo chất thải nguy hại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Đã xây dựng 02 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích mỗi bể $16,54 \text{ m}^3$ để xử lý sơ bộ nước thải từ nhà vệ sinh của Cơ sở.

- Hóa chất, chế phẩm sử dụng: men vi sinh.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Cơ sở không có công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải, chỉ áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân viên thường xuyên kiểm tra các bể tự hoại, đường ống thu gom, đầu nổi nước thải; kịp thời xử lý, khắc phục khi có sự cố không gây ô nhiễm môi trường.

- Bố trí nhân viên vệ sinh thường xuyên thu gom rác thải để tránh gây tắc nghẽn dòng nước.

- Thường xuyên nạo vét bùn, cát ở các đường ống để nước có thể lưu thông một cách tốt nhất.

- Đối với sự cố vỡ đường ống dẫn và rò rỉ nước thải: Nhân viên vận hành sẽ kiểm tra các đường ống, hố ga và khu vực bị rò rỉ, ứ đọng nước thải gây mùi hôi. Khi đã xác định được khu vực bị rò rỉ nước thải, tiến hành thay bằng các đường ống mới.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở theo đúng quy định tại mục 1 phần B Phụ lục này; bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nổi, tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chủ động kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải của Cơ sở khi đầu nổi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải; kịp thời phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị quản lý hạ tầng khu công nghiệp Cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải và đơn vị khác liên quan (nếu có) để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động đầu nổi nước thải của Cơ sở vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, tránh các xung đột, khiếu kiện.

3.4. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động đầu nổi nước thải khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu; không cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc đầu nổi nước thải hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Nam, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Núi Thành, Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Núi Thành và các cơ quan chức năng có liên quan. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ



quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nguồn nước và môi trường nước thải của Cơ sở gây ra.





Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI QUẢN LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép Môi trường số 33 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2025 của UBND huyện)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do Cơ sở không có công trình, thiết bị xử lý khí thải).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI QUẢN LÝ KHÍ THẢI:

1. Biện pháp giảm thiểu đối với bụi, khí thải, mùi:

1.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ các chuyên sản xuất

- Quy trình sản xuất đối với các công đoạn gia công cắt gọt kim loại... được thực hiện trên máy móc thiết bị có tủ bao che kín.
- Lắp đặt hệ thống thông gió, làm mát không khí trong nhà xưởng sản xuất nhằm đảm bảo điều kiện vi khí hậu phù hợp cho công nhân làm việc.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như: quần áo bảo hộ, găng tay, bịt mặt chống bụi,...
- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.
- Định kỳ thực hiện quan trắc môi trường lao động để có giải pháp phù hợp đảm bảo môi trường làm việc tốt cho công nhân.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của các thiết bị.

1.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh đường nội bộ và nhà xưởng, đồng thời phun nước lên mặt đường trong khuôn viên nhà máy để hạn chế sự phát tán của bụi.
- Các phương tiện vận chuyển của Công ty phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện vận chuyển.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (Cơ sở không có công trình xử lý khí thải phải thực hiện vận hành thử nghiệm).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về quản lý bụi, khí thải tại cơ sở.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép Môi trường số 39 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 04 năm 2025
của UBND huyện)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính của Cơ sở:

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy móc thiết bị khu vực gia công thô.
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy móc thiết bị Khu vực gia công bán tinh và tinh.
- Nguồn số 03: Hoạt động của máy móc thiết bị Khu vực nhiệt luyện.
- Nguồn số 04: Hoạt động của máy móc thiết bị Khu vực lắp ráp khuôn.
- Nguồn số 05: Hoạt động của máy móc thiết bị Khu vực đánh bóng, rà, mài khuôn.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tọa độ đại diện vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

STT	Nguồn phát sinh	Vị trí	Tọa độ đại diện	
			X(m)	Y(m)
1	Nguồn số 01	Khu vực gia công thô	1709322	590691
2	Nguồn số 02	Khu vực gia công bán tinh và tinh	1709299	590713
3	Nguồn số 03	Khu vực nhiệt luyện	1709340	590675
4	Nguồn số 04	Khu vực lắp ráp khuôn	1709290	590723
5	Nguồn số 05	Khu vực đánh bóng, rà, mài khuôn	1709339	590705

3. Giá trị giới hạn

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Ghi chú
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Cơ sở không có công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung mà thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Bố trí máy móc trên dây chuyền sản xuất hợp lý để giảm sự cộng hưởng của tiếng ồn.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

- Lắp đệm giảm âm, thường xuyên kiểm tra cân bằng, độ mài mòn chi tiết.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.

- Trang bị đầy đủ và đúng chủng loại các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn lớn (nút bịt tai, mũ bảo hộ lao động,...) và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động quy định.

- Trồng cây xanh quanh các phân xưởng sản xuất tạo dải cách ly, hạn chế lan truyền tiếng ồn sang các khu vực lân cận.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép Môi trường số 33/GPMT-UBND ngày 01 tháng 09 năm 2025
của UBND huyện)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Cơ sở phát sinh các loại CTNH thường xuyên với khối lượng 35.685 kg/năm, cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	9.100
2	Phôi, bột kim loại từ quá trình gia công tạo hình dính thành phần nguy hại	Rắn	07 03 11	2.100
3	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Lỏng	05 07 06	23.500
4	Đá mài, đá cắt, giấy ráp, giấy nhám	Rắn	07 03 10	285
5	Thùng phuy thải	Rắn	18 01 02	590
6	Bình ắc quy thải	Rắn	19 06 01	110
	Tổng cộng			35.685

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở chủ yếu là bao bì, vỏ lon, vỏ đồ hộp, lá cây,... với khối lượng 56.160 kg/năm.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở bao gồm bao bì, thùng catton Với khối lượng phát sinh tối đa khoảng 15.120 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu chứa CTNH, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thiết bị lưu chứa: bố trí 05 thùng chứa loại 200 lít có nắp đậy để thu gom

giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại; phôi, bột kim loại từ quá trình gia công tạo hình dính thành phần nguy hại; Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát; đá mài, đá cắt, giấy ráp, giấy nhám; bình ắc quy thải còn đối với thùng phuy thải được thu gom về khu vực lưu giữ CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa CTNH

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 7,5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che, nền bê tông, có gờ bao, có kẻ đường phân chia khu vực lưu chứa, có dấu hiệu cảnh báo và bảng nhận dạng chất thải nguy hại dính trên vách mỗi khu vực phân chia.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 03 thùng chứa loại 200 lít có nắp đậy để thu gom Chất thải rắn công nghiệp thông thường về khu vực lưu giữ chất thải thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 4,5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu giữ có mái che, nền bê tông đảm bảo không bị nước mưa tràn vào, có bảng tên khu vực lưu giữ chất thải thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Sọt rác, thùng rác có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 4,5 m².

- Lưu giữ tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt tại vị trí cuối nhà xưởng, có bảng tên nhân diện, có nền bê tông đảm bảo không bị nước mưa tràn vào.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường. Đảm bảo diện tích lưu chứa chất thải phát sinh tại Cơ sở.

3. Một số yêu cầu khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với chương trình, kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của tỉnh ban hành theo từng thời kỳ phát triển (Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành tại Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022).

- Thực hiện nguyên tắc quản lý chất thải rắn sinh hoạt là tận dụng tối đa giá trị của sản phẩm thải bỏ, chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thông qua việc áp dụng các giải pháp theo thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Tái sử dụng sản phẩm thải bỏ;

(2) Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hoặc nâng cấp sản phẩm bị lỗi, sản phẩm cũ để kéo dài thời gian sử dụng;

(3) Tận dụng thành phần, linh kiện của sản phẩm thải bỏ;

(4) Chuyển giao đưa đi xử lý theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện phân loại chất thải công nghiệp thông thường có khả năng tái chế theo mã chất thải quy định tại mục C Danh mục chi tiết của các chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép Môi trường số 39 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2025 của UBND huyện)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Yêu cầu về biện pháp giảm thiểu đối với ảnh hưởng của nước mưa

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp Cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải tại 05 vị trí có tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^{\circ} 45'$, múi chiếu 3°) như sau:

- Vị trí 1: Tại hố ga G94: X(m): 1709315; Y(m): 590792;
- Vị trí 2: Tại hố ga G95: X(m): 1709339; Y(m): 590769;
- Vị trí 3: Tại hố ga G96: X(m): 1709368; Y(m): 590741;
- Vị trí 4: Tại hố ga G5: X(m): 1709395; Y(m): 590715;
- Vị trí 5: Tại hố ga G6: X(m): 1709410; Y(m): 590700;

Ngoài ra, để giảm thiểu tác động phát sinh do nước mưa chảy tràn, đề nghị Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Bê tông hoá khu vực sân nền xung quanh các công trình của nhà máy nhằm hạn chế bụi đất cuốn theo nước mưa chảy tràn. Các khu vực đất trống không được bê tông hoá được trồng cây xanh, thảm cỏ.

- Bố trí nhân viên quét dọn, vệ sinh tại khu vực Cơ sở để hạn chế chất thải bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét bùn đất, khơi thông các mương, rãnh, nhất là sau các trận mưa lớn để đảm bảo thoát nước tốt nhất.

2. Yêu cầu khác:

2.1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả hoạt động.

2.3. Thực hiện trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định tại Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

2.5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

2.6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ.

2.7. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

2.8. Chủ Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp lệ của các số liệu, văn bản, tài liệu trong Hồ sơ báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở.

2.9. Chủ Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

2.10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.